

Vượt Biên & Vượt Ngục

Thúy Messegee

Tháng tư năm 1982, tôi lên đường vượt biên lần đầu trong đời. Tính tôi vốn nhút nhát, lại là con gái nhỏ trong gia đình, mà gia đình tôi trước và sau 30 tháng 4 đều không dư dả, nên chuyện đóng “cây” để vượt biên là điều rất xa vời.

Bắt đầu từ năm 1978, ba năm sau ngày giải phóng miền Nam, thoát tiên là các gia đình thương gia người Hoa bị đánh tư sản mại bán nên đã có sự thoả thuận ngầm với chính quyền cách mạng để đóng tàu đi “bán chánh thức”. Bán chánh thức có nghĩa là chính quyền cho phép họ mua vật liệu tự đóng tàu, trang bị, ghi tên, thu tiền, chính quyền chỉ ngó lơ không can thiệp vào, và đến ngày đi thì dẫn đường cho họ ra cửa biển mà không làm khó dễ. Dĩ nhiên là nhà cửa, đất đai, tài sản họ bỏ lại thuộc về sở hữu của chính quyền. Thời gian đầu những người Việt muốn lên lút đi kèm theo đợt bán chánh thức của người Hoa phải mua giấy tờ giả, mang tên Hoa kiều như Lưu Mỹ Huệ, Bành Chấn Giang, v.v. mới đi lọt. “Giá vé” cũng rất cao, mỗi đầu người khoảng 10 cây vàng, tương đương với ba nghìn đô la. Những chiếc tàu bán chánh thức chở hàng ngàn người ra khỏi hải phận Việt Nam thì tấp vào các nước láng giềng như Mã lai, Singapore xin tá túc, lúc đầu độ 5 nghìn người mỗi tháng, sau tăng dần đến 15 nghìn người mỗi tháng. Cộng đồng quốc tế mạnh mẽ lên tiếng kết tội chính quyền Việt Nam đã đẩy người dân của mình ra biển làm gánh nặng cho láng giềng, nên đến cuối năm 1979, đầu năm 1980 thì những chuyến đi bán chánh thức này cũng bị đình chỉ. Nhiều người đang đóng tàu dở dang phải dẹp, nhiều người đã được định ngày xuất hành, tụ tập đầy đủ tại bến để lên đường thì đến giờ chót bị giữ lại không có lý do, rồi cuối cùng đành tiu nghỉu ra về.

Từ đó nảy sinh ra phong trào đi “chui”, có nghĩa là hoàn toàn bất hợp pháp. Những người tổ chức tự lên lút đóng ghe, mua ghe cho gia đình hay bạn bè, hoặc tìm kiếm thân chủ, lo lót công an cửa biển. Qui mô cũng nhỏ hơn nhiều. Những chiếc ghe thường giả dạng làm tàu đánh cá, ghe chở hàng hóa trên sông, chỉ chở được vài chục đến trăm người. Đến năm 1982 giá vé cũng rẻ hơn những chuyến bán chánh thức qui mô lúc trước, chỉ có 3 cây vàng, có lẽ vì giá vàng đã tăng, một cây bằng 500 đô la, và có lẽ chạy chọt đút lót công an địa phương giá rẻ hơn giá qui định của chính quyền trung ương ngày trước. Thuyền trưởng thường là những người địa phương quen đường đi nước bước muốn đưa gia đình mình ra đi, hay là những sĩ quan hải quân VNCH đi học tập về, biết cách chắm bản đồ biển và sử dụng la bàn. Các chuyến đi đều phải “mua đường” từ công an địa phương để được thoát đi an toàn không bị bắt lại.

Tụ tập thân chủ và đưa xuống địa điểm tập hợp cũng gặp nhiều thử thách. Dân thành phố quen ăn trắng mặc trơn, vừa ló dạng xuống các làng quê ven biển là đã tự “lạy ông tôi ở bụi này”. Mọi người phải cải trang quần đen áo sậm, đội nón lá sùm sụp, chùi sạch màu sơn móng tay, mang hành trang gọn nhẹ, không được mang theo nhiều vòng vàng, lương khô, v.v. Có người bị bắt kể lại vừa được đón lên “taxi” (những chiếc ghe nhỏ đưa khách ra “cá lớn”) chưa đi được bao lâu là đã bị công an địa phương chặn lại khám xét. Giấy chứng minh nhân dân do Sài Gòn cấp, không có giáp phép đi đường, trả lời ấp a ấp úng là lập tức bị bắt giam vì tội vượt biên mà không cần bằng cứ.

Có người đã ra đến sông vào ban đêm, chỉ đợi giờ “tập kết” thì bị truy nã chạy tứ tán, có người lợi sinh về lại tỉnh rồi lên xe đò về Sài Gòn. Có người ngờ ngác xuất hiện tại các làng xã, dân địa phương nhìn thấy lạ cũng kêu công an đến hốt. Có người bị kẻ xấu lường gạt, lấy vàng rồi giả vờ đưa về vùng ven biển nhưng đã mật báo trước cho công an, nên chưa đi đến đâu đã bị bắt. Trăm chuyến đi, nghìn câu chuyện, không chuyện nào giống chuyện nào.

Một cô bạn của tôi bị bắt vào tù, mẹ ở Sài Gòn xuống thăm nuôi. Cô ái ngại cho mẹ vất vả, và xót xa cho các em nhỏ bơ vơ ở nhà, nên dặn mẹ đừng xuống thăm nữa, và cũng đừng chạy tiền cho cô ra, cô sẽ tự lo lấy. Hằng ngày ra rẫy ven rừng lao động, cô để ý đường đi nước bước. Cơm tù thiếu thốn không đủ ăn nhưng cô vẫn dành lại một ít mỗi ngày, phơi khô, và để dành sẵn vài viên vitamin C do mẹ mang lên trong lần thăm nuôi. Một ngày nọ ra rẫy, thừa cơ không ai để ý cô tách ra chạy lẩn vào rừng. Rồi cứ thế theo hướng mặt trời đi đến hết ngày, ngủ qua đêm trong rừng. Sáng hôm sau hết nước, cô phải ghé miệng hút những giọt nước từ những lá cỏ tranh, trà rách cả miệng. Đến trưa chiều hôm sau thì cô ra khỏi rừng, đến được bờ sông. Thấy có cái chòi lá của người dân cất để nghỉ tạm trong lúc ra rẫy, cô chạy lại xin giúp đỡ. May mà lúc đó còn một đoàn

người cuối cùng tại vùng ấy. Họ đang chuẩn bị lên ghe về nhà ăn Tết, ra giêng mới trở ra rẫy. Nếu hụt những người này thì cô sẽ bỏ thân tại nơi bìa rừng vì đói khát.

Chuyến đi vượt biên của tôi bắt đầu vào tháng tư năm 1982. Nhờ có người giúp phương tiện tài chính, nên tôi có đủ 3 cây vàng để “mua vé”. Gia đình cậu tôi cũng đang tìm đường đi nên biết được một tổ chức tin cậy, sẽ xuất phát từ Rạch Giá. Tôi xin tháp tùng theo cậu. Đến ngày đi có người lên dẫn mình lên xe đò về tỉnh. Xuống bến xe họ dẫn vào một nhà dân nghỉ ngơi chờ đến giờ hẹn. Chiều tối họ đưa ra đường đón xe. Xe ghé lại, không phải xe thường, mà là chuyên xe của tổ chức, đi đến từng “trạm” đón khách. Tất cả hành khách đều là thân chủ của chuyến đi, ngồi đầy một xe đò. Xe cứ thong thả chạy chờ đến giờ. Có lúc nó ngừng dọc đường, mở nắp máy lên như là máy bị hỏng, hành khách cứ thế ngồi yên trên xe. Đến lúc thật khuya, người tổ chức khế bảo mọi người trút giày dép cầm tay, đi chân không nhẹ nhàng êm ái, lách qua nhà dân, ra phía sau có ghe chờ sẵn ở mé sông. Từ đó ghe lướt sóng ra đi. Mình cứ tưởng là sẽ tiến ra biển, nhưng không, ghe luôn lách qua các kinh rạch đi mãi vào trong sâu nằm ụ lại một ngày nữa. Mọi người chen chúc trên ghe, chỗ ngồi chật chội khiến cả người tôi đau như dằm. Chờ đợi cả ngày là một thử thách lớn, thời gian trôi đi sao mà chậm thế. Đến chạng vạng tối hôm sau là lúc khởi hành. Chủ ghe căn dặn mọi người cho các em bé uống thuốc ngủ nếu cần, người lớn có mang theo thuốc say sóng thì nên lấy ra uống, chỉ vài tiếng đồng hồ nữa sẽ ra đến biển lớn. Cả hai ngày đường tôi đã không ăn uống được bao nhiêu, người già đi rất mệt, thế nên vừa uống thuốc say sóng vào là tôi bị thuốc “hành” thất điên bát đảo. Tôi thấy mình trôi nổi bập bênh như người mộng du, tay chân tê cứng không cử động được, mắt hoa lên nhìn không thấy đường, ngược mắt lên trời thấy đủ cả hổ, báo, voi, ngựa chạy vòng vòng trên trời.

Để bảo đảm tin cậy, sau khi nhận tiền mãi lộ, công an địa phương cử một chú bộ đội cầm súng ngồi theo ghe. Đi được một đoạn, người tổ chức khe khẽ loan báo sắp đi qua một trạm gác, mọi người phải tuyệt đối im lặng. Chú bộ đội cầm một ngọn đèn xanh ra ngồi trước mũi ghe. Cứ thế ghe nhẹ nhàng qua trạm. Được một lúc nữa, họ lại cho biết sắp qua một trạm gác khác, trạm chốt trước khi ra biển. Lần này chú bộ đội cầm một ngọn đèn đỏ ra ngồi ở đuôi ghe. Lại êm ái thoát đi. Mọi người thở phào nhẹ nhõm. Chẳng bao lâu nữa sẽ ra đến biển! Độ 30 phút sau bất chợt nghe tiếng la hét “*Ghe đi đâu đó? Dừng lại ngay lập tức!*” Sau đó là một đợt súng bắn chỉ thiên nổ dồn. Trời ơi, chuyện gì đây? Sau này mới biết đêm đó là ngày rằm, có một tốp lính địa phương đi ăn cúng đình trên đường về, nghe tiếng máy ghe nên nổ súng chặn bắt lại. Đúng là mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, chuyện này hoàn toàn nằm ngoài kế hoạch. Chú bộ đội trấn tĩnh, bước lên đầu ghe cho toán lính biết đơn vị chú bắt được ghe vượt biên, chú đang giải về địa phương của chú. Toán lính chặn ghe không tin, đòi xem giấy tờ của chú. Biết chuyện chẳng lành, chú bộ đội vội trở về ghe lấy giấy tờ rồi bỗng nhảy “ùm” xuống sông thoát đi. Từ đầu thuyền tôi nghe tiếp nhiều tiếng nhảy “ùm ùm” khác. Thôi rồi, thuyền trưởng và ban chỉ huy đã thoát đi rồi. Toán lính chặn đường lại nổ súng dồn dã tiếp. Mọi người trên ghe khóc la: “*Dừng bắn, toàn là đàn bà con nít trên ghe thôi mà!*” Cổ tôi nghẹn lại, hơi thở dồn dập, mà tay chân vẫn tê cứng không cử động được. Tôi tức tối đã không có sức nhảy theo mọi người, nhưng vẫn đang bị thuốc say sóng hành, vẫn còn gần như tê liệt, chẳng làm gì được. Toán lính canh giữ ghe lại đến sáng, đợi nước lên mới đưa ghe về địa phương của họ được. Trời sáng dần, tôi nhìn quanh quan sát mới biết cậu tôi ở đầu thuyền cùng thuyền trưởng đã biến mất. Cậu em vợ của cậu cũng đã thoát đi. Anh bạn của cậu và cô bạn gái tôi mới quen, sinh viên Nông Lâm Sóc, cũng không còn lại trên ghe. Những người quen biết chỉ còn lại vợ tôi và các em. Trời ơi, phải chi đêm qua tôi có đủ sức để thoát đi!

Lính giải ghe về rồi tụ tập mọi người vào trong ngôi đình làng. Thịnh thoảng có người xin ra ngoài đi vệ sinh hay rửa chân tại giếng. Lại có một hai người nữa không trở vào! Tôi chỉ biết đau khổ quan sát. Đầu óc tôi tỉnh táo dần, nhưng chân tay vẫn yếu ớt đứng không vững. Sao mà mình cứ phải chứng kiến từng người một thoát đi mà không làm được gì cả thế này! Đến chiều chạng vạng tối họ lại giải đoàn tù vượt biên từ đình làng về trại giam của xã. Đàn ông bị tách riêng ra và phải đi bộ. Đàn bà con nít được lên ghe đi tiếp một đoạn nữa, rồi đổ xuống vào trại giam. Từ đó không gặp lại nhóm đàn ông, sau này mới biết họ bị giải về trại giam quận xa hơn và kiên cố hơn. Họ lập danh sách và khám xét đám phụ nữ trẻ em trong khi màn đêm xuống dần. Họ bắt vợ tôi xỏ tóc xuống, và bắt được một cái nhẫn vàng vợ gài trong búi tóc. Đến phiên tôi, họ không tìm được gì, vì tôi học được từ những người đi trước, mang theo một miếng xà phòng xài dở dang và ướt nhẹ, nhẩn cái nhẫn vào trong miếng xà phòng rồi lấy ngón tay khò lấp vết nhẫn. Họ tịch thu giày dép của người lớn rồi đưa vào nhà giam. Lúc này tôi đã già thuốc, nhìn quanh quát quan sát. Nhà giam của xã là nhà tranh vách đất khá sơ sài. Có một khoảng trống độ bốn tấc giữa tường và mái tranh. Tôi thì thào với vợ:

- Đêm nay con sẽ tìm cách vượt ngục. Vợ cho con xin đôi dép của em.

Vợ lo lắng bảo:

- Con ráng cẩn thận giữ thân, đừng để họ bắn chết. Mẹ phải ở lại để lo cho các em. Chân em to nên tôi mang đôi dép của em vừa vặn. Tôi biết mình phải cố giữ sức khỏe trước thử thách trước mắt. Tôi cố nuốt miếng thực phẩm mang theo, hình như là một quả cam, để có ít chất bổ dưỡng vào người. Sau đó tôi cố nhắm mắt tìm giấc ngủ để lấy sức. Khoảng gần nửa đêm tôi tỉnh dậy. Tôi lay mẹ dậy, nhờ mẹ khum xuống cho tôi leo lên lưng mẹ rồi bám trèo lên tường, len qua khoảng trống giữa tường và mái tranh, miệng ngậm đôi dép, nhảy ra ngoài. Tim tôi đập thình thịch, hơi thở dồn dập. Nhờ trời sáng trăng, tôi nhìn ra phía trước thấy có một khoảng sân trống rộng giữa nhà giam và cổng trại. Ở giữa sân có một chú bộ đội ngồi ghé cạnh gác, đang ôm súng ngủ gục. Tôi liệu không đủ sức vượt qua được khoảng sân trống quá rộng đó, và không bảo đảm sẽ vượt qua được chú bộ đội mà không đánh thức chú dậy.

Tôi đi vòng nhìn về phía sau nhà giam. Nhà giam ở sát một bức tường ngăn cách với bên ngoài. Không biết “bên ngoài” có gì, nhưng tôi quyết định trèo qua bức tường này để ra ngoài, thay vì phải vượt sân rộng để qua cổng chính. Thế là tôi trèo tường nhảy phụng xuống đất. Thì ra bên ngoài bức tường là nhà dân. Tôi gây tiếng động làm đàn heo trong chuồng bị đánh thức kêu eo ỉn ỉn. Có một em bé gái lên tiếng: “Ai đó?” Em đang đi vệ sinh gần chuồng heo. Tôi trả lời khe khẽ: “*Em đừng la lớn, dẫn chị vô gặp má, chị sẽ giải thích.*” Em đưa tôi băng qua sân sau của nhà, vào gặp mẹ em. Tôi giải bày:

- Con đi vượt biên bị bắt lại. Con nhảy trốn khỏi nhà giam phía sau nhà dì. Dì cho con tá túc đêm nay, sáng mai con sẽ tìm xe đồ về nhà trên thành phố.

Bà mẹ nhìn tôi rồi hỏi:

- Nó có khám xét cô không?

Hiểu ý, tôi trả lời:

- Dạ họ có khám xét, nhưng con còn dấu được một nhẫn vàng. Dì nhận dùm rồi cho con xin đủ tiền đi xe về thành phố sáng mai.

Bà mẹ bảo tôi vào ngủ với em gái, đến sáng bà sẽ đánh thức dậy.

Nằm bên cạnh tôi, em kể đã có nhiều người đi vượt biên bị bắt tại vùng này. Gia đình em người Tiều, em vừa đi bán hột vịt lộn đêm về thì gặp tôi nhảy sang nhà. Tôi chột thiếp đi lúc nào không hay. Nửa khuya thức giấc nghe tiếng mưa tí tách trên mái tranh. May quá, hy vọng nước mưa sẽ xóa mất vết chân của tôi, nếu tôi có để lại dấu vết gì đêm qua. Đến khoảng 5 giờ sáng, bà mẹ đánh thức tôi dậy, đưa cho ít trăm bạc, rồi bảo em đưa tôi ra bến xe. Bà bảo về được thành phố thì đưa mẹ xuống gặp bà, bà sẽ trao thêm tiền cho đủ giá trị chiếc nhẫn. Tôi cảm ơn, cho biết nếu về được đến thành phố tôi sẽ không bao giờ trở lại vùng này. Tôi xin bà một cái giỏ lát cầm theo, chứ đi đường tay không thấy tay chân thừa thãi, và cũng để gây chú ý.

Trời còn tối như mực, tôi là người hành khách đầu tiên mua vé lên chuyến xe đầu tiên về Cần Thơ. Các hành khách dần dà xuất hiện. Trời đã sáng bừng, mà sao xe chưa nhấc bánh? Bất chợt tôi thấy em bé ân nhân ra đứng lấp ló nhìn. Tôi nhảy xuống xe gặp em. Có chuyện gì chẳng lành hay sao? Không, em cho biết vú bảo ra xem chế đi chưa. Lại lên xe ngồi. Bất chợt tim tôi ngừng đập! Ngay tại đầu xe có một chú bộ đội đứng nhìn từ đầu đến cuối xe. Thôi rồi, trong trại giam điểm danh đã thấy có tù vượt ngục! Bây giờ ở hay đi? Tôi lại xuống xe đến gặp em bé gái.

- Em cho chị về nhà nghỉ lại một bữa nữa đi, hình như có bộ đội ra khám xe bắt chị!
- Không sao đâu ché, ché cứ đi đi! Lại lên xe ngồi im chết khiếp, chẳng biết phản ứng ra sao. Xe bắt đầu lăn bánh, chú bộ đội nhảy phóc lên ngồi cạnh tài xế. Chắc là chú quá giang xe về tỉnh, chuyện bình thường mà mình bị thần hồn nát thần tính, định ninh người ta ra bắt mình!

Xe đi được độ nửa giờ thì phải qua một cây cầu. Cầu đã long hết các phản gỗ, chỉ còn trơ cái sườn sắt. Xe cán lên khung sắt bị bẻ bành, phải dừng lại để thay bánh xơ cua, mất nửa tiếng đồng hồ. Sau đó lại đi tiếp. Lại qua một cây cầu sắt long hết gỗ khác. Lần này một bánh nữa cũng bẻ luôn. Hết bánh dự phòng thay thế, xe phải cử người đi bộ trở về thị xã tìm bánh khác. Lòng đang nóng như lửa đốt mà cứ bị đình trệ như thế này biết đến bao giờ đây? Một vài chú xe ôm vòng qua kiếm khách, đề nghị chở mình về bến Cần Thơ. Phải tốn thêm tiền nhưng được toại ý lên đường ngay. Xe ôm nhận hai khách một lúc chứ không nhận một người. Thế là một anh thanh niên cùng với mình trả tiền, lên ngồi ôm nhau sau tài xế.

Về đến bến Cần Thơ, anh thanh niên cũng mua vé về Sài Gòn như mình, nên lại lên cùng chuyến xe. Trong khi chờ xe chạy, các hàng rong bao quanh xe mời mọc. Không hiểu sao anh thanh niên này mua bánh mì ăn lại mua cho mình một ổ. Lòng hào hiệp không chờ đón, mình có muốn đây dựa đến ai trong cuộc hành trình đặc biệt này đâu! Sau đó mình mua một bao nước mía uống, cũng phải đáp lễ lại cho anh một bao. Ăn xong,

thấy mình lấy tay “quẹt mờ”, anh không nói một lời, rút túi lấy khăn mù xoa trao cho mình. Ôi, xấu hổ muốn độn thổ, tay cầm giỏ xách cho oai chứ có đồ dùng cá nhân nào đâu? Xe chạy, gió thổi vù vù làm tóc rối bù, mình đưa bàn tay gỡ tóc rối. Anh thanh niên lại nhìn nhìn rồi rút lược ra đưa cho mình. Biết trốn đi đâu bây giờ đây? Đã thế, anh cứ nhìn mình như để tìm hiểu, như để kiểm chứng một giả thuyết nào đó trong đầu anh. Cuối cùng, có lẽ không nhịn được, anh nhỏ nhẹ hỏi:

- Cô cho tôi hỏi một câu được không?

Nghe không khá rồi! Mình rần giọng hỏi lại:

- Anh muốn hỏi gì?
- Có phải cô đi vượt biên chạy về không?

Thôi đi, sao lại bới tung hành tung của tôi ra vậy? Đành lên giọng cao kỳ:

- Anh nghĩ sao mà lại hỏi tôi câu đó? Hà?

Tính lịch sự trong con người anh cũng còn lại một chút, nên anh nhượng bộ:

- Tôi hỏi không phải thì cô bỏ qua cho!

Từ đó mình im lìm nhìn ra ngoài cửa sổ, nhất định không nói lời nào nữa.

Đến bến phà Mỹ Thuận, một hàng xe dài hơn cây số nối đuôi nhau chờ lên phà. Điều này chắc cũng vài tiếng đồng hồ nữa mới tới phiên. Mình xuống xe tiến về phía đầu đoàn xe, gặp một xe tải chở gạo đi Sài Gòn, xin họ quá giang. Họ bằng lòng, thế là mình nhảy tót lên nằm trên các bao gạo, vừa rút ngắn thời gian, vừa tránh xa chàng thanh niên vừa dễ thương vừa dễ ghét!

Ở nhà mẹ và anh mình đã nghe tin chuyện đi bị vỡ, và nghe có một số người nhảy sông. Gia đình phân vân, không biết “nó” có nhảy sông không. Anh mình bảo:

- Biết tính nó, thế nào nó cũng nhảy!

Vừa đến đó thì nghe tiếng mình léo nhéo gọi:

- Má ơi mở cửa cho con!

Cả nhà chạy ra mừng ríu rít. Quả đúng là nó nhảy, nhưng nhảy rào chứ không nhảy sông! Mình vội nhờ anh chạy đến nhà chị bạn xin lại sách vở đã giao cho chị mấy ngày trước, nhờ chị dạy trám chỗ dùm trong thời gian đi vắng. Ngày hôm sau vào trường dạy tiếp, không để lại khoảng trống khả nghi.

Sau này thu thập đầy đủ tin tức thì biết cậu mình và anh bạn, cùng cô bạn Nông Lâm Súc nhảy sông đêm đầu tiên, sáng ra về đến tỉnh thì bị bắt lại, ở tù tại tỉnh đến mấy tháng. Em vợ cậu, người vạm vỡ đen đúa, trôi dạt vào một xã khác, bỏ quần áo chỉ mặc quần đùi đen, đi chân đất, gặp dân tát đĩa hỏi mua một con cá cầm lủng lẳng đi như dân nhà quê thứ thiệt, rồi cũng lần mò cũng về được đến nhà. Mẹ mình và các em ở tù tại xã chừng một tháng thì được thả về. Đúng là đời có số, nếu mình đủ sức khỏe nhảy sông đêm đầu tiên thì chắc đã lọt vào vòng lao lý dài ngày như cậu, không được may mắn thoát về nhà ngay như chuyện đã xảy ra! Vài tháng sau lại ngựa quen đường cũ, tiếp tục “tìm đường”. Lần này thì thử thách đón chờ ngoài khơi, tưởng đã chôn vùi thân xác dưới lòng biển sâu.

Bước Chân Xuống Thuyền

Tháng 8 năm 1982, thua keo này ta bày keo khác, tôi lại gan cóc tía bước chân xuống thuyền! Chiếc ghe của tôi chở 27 người vượt biên đi từ Bến Tre. Bến Tre là xứ cách mạng đồng khởi nên công an đồ rục, cực ghét những kẻ bỏ nước đi tìm bờ thừa sửa cặn của đế quốc. Lỡ bị bắt ở Bến Tre là kẻ như tàn đời, thời gian ở tù lâu hơn, và điều kiện trong tù cũng khắc nghiệt hơn nơi khác. Vì đã bị bắt trong một chuyến ra đi tìm đường trước nên tôi rất hãi sợ phải vào tù trở lại.

Tàu vừa ra khỏi sông được một lúc, bắt đầu nghe sóng lớn ngoài biển vỗ mạnh vào bờ thuyền, thì bắt chợt chiếc ghe đứng sựng lại. Máy nổ dồn dập mạnh mẽ hơn, nhưng không tiến được bước nào. Thôi rồi, ghe đã húc đầu vào cồn cát! Cồn cát tại biển Bến Tre nổi tiếng gay góc, không phải là tay địa phương, quen thuộc từng ngõ ngách ở cửa biển, thì đừng hòng thoát. Đúng là không thoát được. Mặt tôi tái xanh, cổ nghẹn lại, lay Phật bà Quan âm cứu khổ cứu nạn, xin đừng để con bị bắt tại Bến Tre. Tôi lo lắng nhìn quanh, mọi người đều ôm đầu lâm râm cầu nguyện. Tôi lên tiếng hỏi xem có cách gì thoát ra được không. Ai nấy im lìm, mê mệt vì say sóng. Tôi tức mình lên tiếng:

- Tận nhân lực tât tri thiên mệnh, phải cố hết sức mình mới biết ý trời chứ. Mình phải làm một cái gì, chứ nằm im cầu nguyện, đầu hàng trước trở ngại là chắc chắn vào tù.

Sau này một cô bạn lúc đầu không quen nhưng trở nên thân thiết sau chuyến hải trình đầy sóng gió kể lại:

- Lúc đó em nằm im, đang say sóng khổ muốn chết, mà cứ nghe ai đó đang nói léo nhéo bên tai, giọng thì nghe non choẹt như con nít, lại lên giọng dạy đời như bà nội bà ngoại người ta!

Một mình tôi lần bước leo ra ngoài mũi ghe. Thấy có một cây tre dài bỏ trên mạn thuyền, tôi cầm lấy ra sức cố đẩy cho thuyền bật ra khỏi cồn cát. Sau vài cú đẩy, cột tre gãy "rắc" làm đôi. Sau này nghĩ lại mới thấy mình thật ngây thơ, một cây tre yếu ớt làm sao đẩy nổi một chiếc ghe nặng mấy tấn chở gần 30 người được. Đành trở vào khoang nằm niệm Phật, chờ "hốt". Gần sáng, bóng đêm lùi dần, chắc sắp đến giờ mấy chú công an ra khơi quăng mề lưới đầu ngày. Bất chợt thấy thuyền bay bổng lên, rồi lại bắt đầu lướt sóng tiến đi theo tiếng máy nổ. Ôi, phép lạ nào vậy? Thì ra thủy triều buổi sáng dâng lên đã nhắc thuyền ra khỏi cồn cát. Nam mô Phật Bà Quan Âm cứu khổ cứu nạn!

Vừa ra khỏi hải phận VN thì anh thuyền trưởng, một cựu sĩ quan Hải quân VNCH đi cải tạo về, vì một mình vất vả chống chọi sóng gió suốt đêm để đưa được tàu ra khơi, nên anh gục thiếp đi một giấc ngon. Khi anh thức giấc thì hơi ôi, không biết chuyện gì xảy ra nhưng nước biển tràn vào đầy hầm máy, và con F10 im bật, chết ngắc tự bao giờ! Đã qua đêm thâm tối luôn lách kinh rạch sông ngòi để đào thoát ra biển, đã thoát được cồn cát tại cửa biển lúc hừng đông, giờ phút này ánh dương lên rực rỡ chan hòa, mà sao lòng người lại sầu thảm tuyệt vọng hơn bao giờ hết. Anh thuyền trưởng cùng một anh kỹ sư hì hục sửa máy, mọi người nín thở theo dõi. Đến cuối ngày thì đành thúc thủ! Con thuyền nhỏ bé mang 27 người ra đi tìm cuộc sống mới giờ đang bồng bênh trôi nổi giữa trời nước mênh mông. Lớn tuổi nhất là cụ già 72 tuổi, bà ngoại được con gái và cô cháu ngoại đưa đi trong chuyến chót của gia đình, bố các cháu và các con khác đã từng vượt biên sang định cư tại Mỹ. Nhỏ nhất là em bé 20 tháng, con của anh kỹ sư, và vợ anh đang cần thai vài tháng.

Bây giờ biết làm sao đây?

Tháng 8 là mùa gió Nồm thổi từ Nam ra Bắc. Tàu dự định nổ máy đi ngược gió về hướng Nam, hy vọng sẽ đến bến bờ Mã lai hay Indonesia trong vài ba ngày, nên trên tàu không thủ gạo muối củi lửa gì cả. Lương thực mang theo gồm một bao bố chứa cam, một bao củ sắn (củ đậu), một thùng đường chảy (dạng mía ép ra nấu cô lại nhưng chưa chế biến thành đường thể rắn), và 20 thùng nhựa chứa nước uống, dung tích 20 lít/thùng. Ban tổ chức dự định trong 2 ngày đầu mọi người sẽ say sóng nằm mê man chẳng cần ăn uống, ngày sau đó thì sẽ cập bến, nên không cần nấu nướng nhiều khê. Quả thật lúc mới ra khơi ngày đầu mọi người say sóng vật vã, nôn mửa phủ lên cả đầu tóc người ngợm, và mê mệt nằm vật vạ đề vỡ cả gần nửa các thùng nước, cơ hội sống còn cho những ngày lên đênh vô định! Anh thuyền trưởng suy tính: tình hình này thì ghe không thể đi ngược gió Nồm về Nam được nữa, và sẽ bị gió đẩy dần ra hướng Bắc. Cuộc hải trình dự định 3, 4 ngày sẽ kéo dài không biết bao lâu. Hy vọng may mắn sẽ trôi dạt ra phía Philippines ở ngang miền Trung Việt trong vòng 5-10 ngày.

Thực phẩm và nước uống trên tàu giờ phút này trở nên tối cần để sống sót. Mọi người kiểm tra lại những gì còn lại trên tàu. Cam đã bị đề vỡ nát phải bỏ, nhiều thùng nước bị bể nên thất thoát nhiều, chỉ còn lại bao củ sắn, thùng đường chảy, và 10 thùng nước. Thức ăn được chia đều ra cho nhân khẩu trên tàu, mạnh ai nấy thủ. Đường chảy đặc quên không xé nhỏ được nên cứ để ở một góc tùy nghi sử dụng. Tôi nằm gần nên có lẽ chiếu cố đến nó nhiều hơn mọi người. Còn nước thì phát rất dè sẻn hàng ngày: mỗi ngày ba lần, sáng, trưa, chiều, mỗi người được đong cho một nắp nhựa dùng đậy thùng nước, khoảng bằng 1/4 ly nước nhỏ.

Phần tôi được độ 15 củ sắn nhỏ hơn nắm tay, mỗi ngày cắt một củ ra làm 3, ăn theo mỗi lần được phát nước. Củ sắn cũng chứa nhiều nước, có lẽ nhờ đó mà mọi người sống sót. Trước khi lên đường mọi người đã được căn dặn không được mang theo lương khô, phòng trường hợp bị chặn xét dọc đường sẽ bị lộ. Tôi chỉ mang theo một túi xách nhỏ có một bộ quần áo và một hộp sữa đặc, nhưng khi không có nước để pha thì cũng đành nhịn sữa, nhất là cổ họng lúc nào cũng khô rát, và một nắp nhựa nước được phân cho mỗi lần chỉ đủ thấm ướt cặp môi khô cho đỡ nứt nẻ.

Tàu lên đênh trên sóng, không máy, không buồm, hết ngày dài đến đêm thâm. Những thanh niên trên tàu bắt đầu nhụt chí, chúng ước mong bị bắt lại để vào tù, dù sao cũng sống sót, còn hơn chết dần mòn trên biển. Nước tràn vô từng chút, phải thường xuyên múc vô thùng mang đổ ra ngoài nếu không muốn tàu chìm. Thanh niên được phân công làm việc này, nhưng thấy chúng uể oải đùn đẩy nhau mà chán ngán. Cứu mình chứ ai mà lười nhác, thật là mệt quá đi! Nhiều năm sau này nghĩ lại mới thấy thương chúng nó, trai tráng khoẻ mạnh cả chục ngày không được hột cơm thì yếu xiu là phải, mình là phụ nữ thể chất yếu ớt hơn nhưng lại chịu đói giỏi hơn chúng. Mỗi buổi sáng lũ trẻ con riu rít kể cho nhau nghe những món sơn hào hải vị chúng được

thường thức trong giấc mơ đêm qua: nào là gà xối mỡ, vịt tiềm thuốc bắc, ếch xào lăn, bò bí tết, v.v. Đến một hôm một đứa buột miệng bảo:

- Bây giờ mà có rau muống luộc ăn cũng sướng!

Mọi người bật cười trong nước mắt.

Một ngày nọ thoáng thấy một tàu ở phía xa xa. Mọi người bảo nhau phát cờ xin họ đến giúp. Ai sẽ đứng ra khoang phát áo làm cờ ra dấu đây? Tất cả nằm im lìm trong một mệt không lên tiếng. Tức mình, tôi cả quyết trèo ra đầu tàu. Hy vọng may mắn, nhưng không ráng bám vào để tự cứu thì làm sao mong được Trời cứu? Giữa trưa nắng, phất áo xụi cả tay, miệng gào hét khản cả cổ, để rồi nhìn con tàu dần biến mất cuối chân trời. Thất vọng, kiệt lực, tôi chui vào trong nằm khóc. Hỏi xin thêm ít nước bù vào nỗi nhọc nhằn đứng giữa nắng thì bị từ chối. Giây phút đó tôi tự nguyện với lòng là sau này nếu được sống sót, nhất định sẽ không bao giờ quay lưng với kẻ cần cứu giúp. Sau này nghiệm lại mới biết con tàu người ta to hơn chục toà nhà mà mình thấy bé tí như đầu ngón tay, thì từ trên tàu của họ con thuyền bé tẻo teo của mình chỉ to bằng đầu kim, làm sao người ta thấy được mà cứu? Rồi cũng được gặp tàu một vài lần nữa, lần nào mọi người cũng chờ tôi tình nguyện ra vẫy gọi, nhưng tôi đã học khôn, đòi hỏi được thêm một nắp nước uống lấy sức mới ra, nhưng rồi lần nào tàu cũng lạnh lùng rời xa đến mất hút.

Ít ngày sau, vào ban đêm chợt nghe tiếng máy bay trên đầu. Mọi người lại vùng dậy, lấy quần áo nhúng dầu đốt làm đuốc để cho máy bay thấy. Đuốc vừa chập choạng đốt lên thì tiếng máy bay cũng thoát khỏi tầm nghe, im bật trong đêm sâu. Đây là một chiếc ghe nhỏ chở hàng hóa trên sông, không có hầm sâu chứa nước đá để ướp cá như ghe đánh cá. May mà ghe có nóc, chứ nếu đầu trần phơi nắng thì chỉ 1, 2 ngày là sẽ bị nướng tiêu cả. Đầu ghe cao hơn vì cabin nằm trên hầm máy. Đó là nơi các “con vua”, gồm gia đình anh thuyền trưởng cùng hai cô em gái và vợ chồng anh kỹ sư cư ngụ để điều khiển ghe và coi chừng máy móc. Dưới lòng ghe là đám “con sãi ở chùa”, nằm hướng đầu vào hai bên thành ghe, chân đưa vào giữa xen kẽ với nhau. Đối diện tôi ở đầu bên kia là một cậu bé độ 10-12 tuổi, con cứng trong nhà. Hằng đêm nó cứ giã giụa gào khóc:

- Mẹ ơi con nóng quá, mẹ ơi con khổ quá...

và cứ thế dẫy đàn dạch, chân đạp thùm thụp liên tục lên bụng mình, cứ phải kêu ối a em ơi đừng đạp lên bụng chị. Sau này anh định cư tại Florida, học y ra bác sĩ oai phết. Phải chi mình cùng ở Florida thì thế nào cũng đến ăn vạ tại phòng mạch, bắt phải chữa bệnh miễn phí cả đời để chuộc lại chuyện xưa.

Sau hơn ngày 10, tàu vẫn lênh đênh giữa biển cả. Sao bảo sau 5-10 ngày thì sẽ tiến đến Philippines? Nó ở chốn mô mà không thấy? Mỗi ngày khi ánh mặt trời rạng đồng chiếu vào khoang tàu tôi lại nhìn quanh xem ai còn, ai mất, và phân vân không biết ai sẽ “đi” trước ai. Lòng đã định sẵn khi nào kiệt sức liệu không qua khỏi thì sẽ bỏ giấy tờ tùy thân vào trong quần lót, hy vọng nếu xác được vớt, người ta sẽ biết được tên tuổi và địa chỉ để thông báo cho gia đình.

Ngày thứ 15, nước cạn dần, còn 1 thùng rưỡi, chỉ đủ dùng cho 3 ngày nữa. Mình biết không ăn thì chưa hẳn sẽ chết, nhưng không uống thì chắc chắn không sống sót được. Hơn mười mấy ngày gian khổ, trên tàu vẫn giữ kỷ cương, phân chia đều đặn, đồng cam cộng khổ, tuy cũng có một sự phân chia giai cấp trên thuyền. Chi sợ đến lúc cạn kiệt người ta sẽ quên đi nhân tính, giành giật không kể mạng sống của người khác thì sao? Đêm đó trời chợt đổ mưa to. Ôi, Trời Phật đã ngó ngang đến lũ người khốn khổ trên tàu. Mọi người lấy tấm nylon căng ra hứng nước, đổ vào được hơn 2 thùng. Cái chết đã được đẩy lùi đi ít ngày nữa. Mọi người được “uống khao” một châu, và lúc này tôi mới dám khai hộp sữa đặc ra pha uống, đồng thời chia cho cậu em mới quen nằm bên cạnh. Chị một muống, em một muống, cứ thế đến hết ly sữa ngọt ngào. Sau này lên đảo cậu em yếu ớt, bệnh tật suốt rồi cuối cùng qua đời vì bệnh lao, đổ vỡ mọi kỳ vọng của gia đình mong mỏi cho con tạo được cuộc đời mới tại xứ người. Và cũng từ đó tôi thủ lao dương tính trong những kỳ khám sức khỏe.

Sáng ngày thứ 18, thức dậy bỗng cảm thấy điều gì đó khác thường. Nhìn ra ngoài, sao mà màu nước biển hôm nay lạ thế, một màu xanh lá cây nhạt thay vì màu xanh dương thẫm như mọi khi? Nhìn xuống thấy được đáy biển, cảm tưởng nếu có đủ sức nhảy xuống thì chân sẽ chạm đáy. Mà sao đất liền đâu không thấy, chung quanh vẫn mây nước trùng trùng? Thì ra mình đang ở một khu đảo san hô, nhìn xuống đáy là những đá san hô muôn hình muôn dạng. Nhìn về phía đuôi tàu, chợt thấy sừng sững một chiếc tàu to gấp chục lần ghe của mình, nó ở gần đến độ thấy được người trên tàu chạy qua chạy lại chỉ chỗ về hướng mình. Ôi, chuyện tưởng như một cơn mơ hảo huyền trong gần hai chục ngày lênh đênh đã thành hiện thực hay sao? Đến bến bờ Philippines rồi!

Mọi người trên ghe nhón nháo, đốc thúc mình chuẩn bị nói tiếng Anh xin họ cứu vớt. Ok, sẵn sàng vì tập thể thôi! Có người còn bình phẩm:

- Đúng là tàu đánh cá Philippines, sơn xanh đỏ lòe loẹt quá!

Tàu lớn thả xuống một ca nô lướt sóng đến cặp vào ghe. Đến nơi họ nhảy phắt lên bắt đầu hỏi han. Má ơi, họ xí xa xí xô toàn tiếng Quảng Đông chứ không nói một chữ tiếng Anh, may mà trên ghe có một số người Hoa nhanh nhẹn đáp chuyện với họ. Thì ra ghe đã trôi dạt lên tận miền Bắc, gần hải phận Hong Kong! Ôi, chiếc ghe bé tí như chiếc lá rơi giữa dòng, chông chắt 27 mạng người già trẻ lớn bé trôi nổi theo sóng gió. Nó lắt lẻo từ Bến Tre suốt 18 ngày không máy, không buồm, không một hạt cơm, đi dọc suốt bờ dài bờ biển VN từ Nam ra Bắc, rồi giờ đây nó dạt đến tận Hong Kong! Và nó giữ cho mọi người trên tàu sống sót toàn vẹn, từ cụ bà 72 tuổi đến em bé 20 tháng. Thật là phép màu! Từ nay con sẽ hết sức trân quý cuộc sống, và sẽ không bao giờ bỏ rơi những kẻ cơ nhỡ cần cứu giúp!

Đoàn tiên thám mang cho ít nước và lấy ra một gói bánh lạt khô trao cho mọi người trên ghe. Họ mở bao ra, thấy có bánh bị bể nát nên giữ vụn bánh xuống biển. Mọi người la to phản đối:

- Ấy ấy đừng bỏ, để đó tôi ăn!

Đây là tàu đánh cá xuất phát từ Hong Kong. Họ cho biết vừa mới ra khơi, vài tuần nữa mới trở lại đất liền, nên sẽ gọi vô tuyến cho một tàu khác trên đường về ghé đến giúp. Vài tiếng sau thì tàu kia đến, hai bên bàn giao, rồi người ta đục thuyền vòng dây cột chiếc ghe khốn khổ của mình vào tàu họ kéo đi. Thật là mang đạ ơn được cứu sống, mà mình thì chẳng có gì đền đáp, ngoài mấy chục thùng dầu mang theo mà chẳng dùng được trong cuộc hải trình, bây giờ cũng không nhớ họ có lấy dầu của mình không nữa.

Nhớ lúc còn ở nhà có nghe bạn bè kể cho nhau kể câu chuyện “cổ tích thần tiên” của một bạn bên ban Anh văn trường Đại Học Sư Phạm đi vượt biên, ra khơi được tàu Úc cứu. Bạn ấy nói tiếng Anh làm thông dịch cho hai bên, rồi sau này nên duyên với thuyền trưởng của chiếc tàu nghĩa hiệp ấy. Chuyện tình đẹp như mơ! (Sau này gặp bạn thì được cho biết chàng là cơ khí trưởng, không phải thuyền trưởng. Cuộc hôn nhân lãng mạn đó cuối cùng lại kết thúc trong đắng cay. Đời không đẹp như mơ!) Khi nghe mình có “ý đồ”, bạn bè cũng trên:

- Ừ đi may mắn nhé, mong rằng sẽ bốc được một chàng thuyền trưởng hào hoa!

Than ôi, số mình số con rệp, sự thật phũ phàng rành rành trước mắt: “chàng” thuyền trưởng là một cụ ông khá lớn tuổi (thật ra “anh” chỉ trạc 50, nhưng đối với tuổi 20 của mình lúc đó thì đáng gọi bằng cụ rồi. Cụ có hai bà vợ và 7 người con tại Hong Kong, lại một chữ tiếng Anh cũng bó không ra, chỉ thao thao toàn tiếng Quảng thôi. Thế mới căng!

Một đoàn đại diện, phần lớn là nữ nhi, cùng anh thuyền trưởng và một bác người Hoa (mấy chàng đánh cá Hong Kong cũng phân biệt đối xử theo giới tính gớm) được mời lên viếng tàu lớn, dĩ nhiên là có mình, con người “chuyện gì cũng muốn biết qua”. Tàu sang trọng quá, đèn đóm sáng rực trên khoang. Bữa cơm tối toàn đồ biển tươi mới đánh bắt được, nấu với mộc nhĩ, miến, nấm đông cô, và các vị thuốc bắc, ngon tuyệt vời. Tàu tiến đến gần Hong Kong trong đêm tối như mực, ở xa nhìn vào đất liền trắng lệt huy hoàng vô cùng. Cả thành phố nổi lên trên biển, sáng rực đèn hoa như một lâu đài đồ sộ nguy nga. Cả bọn thấp hươg trên tàu tạ ơn Trời phật, rưng rưng nhìn lại đuôi tàu rẽ sóng lướt đi, rồi nhìn đến bờ bến sắp đến, và lần này mới dám tin thật là mình đã thực sự sống sót. Đến gần sáng, trời tỏ dần, cảng Hong Kong hiện ra sừng sững trước mắt. Thuyền trưởng cho cắt dây để ghe tự trôi vào bến. Chính phủ Hong Kong từ giữa năm 1982 đã ngưng đón nhận người tỵ nạn và cấm các tàu đánh cá giúp đỡ dân vượt biên. Ông cho biết ghe phải tự vào Hong Kong một mình, và dặn đừng cho chính phủ Hong Kong biết đã được ông giúp đỡ.

Chỉ độ vài chục phút sau một tàu tuần biên Hong Kong tiến đến. Họ gọi loa đọc bằng tiếng Anh và tiếng Hoa cho biết chính phủ không tiếp nhận người tỵ nạn, quý vị ghé vào chúng tôi sẽ cung cấp thực phẩm, nước uống, và nhiên liệu để tiếp tục đi, còn như không muốn đi tiếp thì quý vị sẽ bị bắt vào tù, muốn chọn phương án nào? Cả ghe đồng thanh la to:

- Chúng tôi chọn vào tù!

mà miệng cười hớn hở. Giây phút ấy bố bảo cũng nhất định không ra khơi lần nữa! Đủ quá rồi! Ngày ra đi tôi khẩn nguyện xin cho đừng bị bắt lại và đừng gặp cướp biển, còn thì sóng gió, đói khát, gian khổ, v.v. con xin chịu cả. Đúng là cầu gì được nấy! Cướp biển không gặp, bị bắt lại cũng không, còn phần sóng gió, đói khát, gian khổ... đều tha hồ mà hưởng.

Tàu tuần biên đõ mọi người lên một xà lan neo tại cảng. Đã có nhiều thuyền vượt biên khác ở đó trước mình. Họ mang theo thực phẩm từ tàu họ lên xà lan nấu cơm trưa. Tàu mình thì một hạt gạo cũng không có, nên cầm bát đi xin ăn, không hề xấu hổ. Dịp này làm quen được một anh cảnh sát tuần duyên người Hong Kong tên Elton. Anh rất dễ thương, tự đề nghị giúp đánh điện về cho gia đình ở Việt Nam biết tin. Đúng là số mình hay gặp quới nhân! Mẹ và anh mình ở bên nhà chắc đang mỗi mòn tuyệt vọng. Người ở lại trông tin người ra đi thì mong rằng sau 3, 4 ngày sẽ được tin vui. Sau 5, 10 ngày, những viễn ảnh đen tối bắt đầu xâm nhập khiến cho người thân lo lắng tưởng chừng điên loạn. Trường hợp của chiếc ghe đặc biệt đi từ Bến Tre mà cập bến Hong Kong này, một bức điện tín gửi về sau gần một tháng bật tin là phép lạ mang lại sức sống cho gia đình. Biết làm sao đền đáp ơn nghĩa của hai chiếc tàu đánh cá, của người cảnh sát Hong Kong không hề quen biết, của những nhân viên Liên hiệp quốc, và những quốc gia thứ ba đã chìa bàn tay cứu vớt thuyền nhân!

Đến chiều thì lên tàu đi đến “trại giam”. Trại nằm ngoài biển, trên đảo Lantau, tên là trại Mè (Chimawan Refugee Center). Trại này là nhà trừng giới giữ các tội phạm Hong Kong từ trước, đến năm 1982 chính phủ Hong Kong bắt đầu cho người tỵ nạn vào trại cấm (closed camp) thì họ chuyển tù nhân đi nơi khác rồi dùng doanh trại này chứa thuyền nhân. Từ tàu mọi người bước xuống một cây cầu dài dẫn từ biển vào đảo. Mấy đứa thanh niên thì thào: “*Chị ơi, cầu nổi!*” “*Ừa, cầu nổi, ráng đi cho vững!*”. Ít ngày sau ngồi nhìn ra biển, thấy những cột trụ bê tông cốt sắt trên cầu cắm chặt xuống biển mới phì cười cho nhận định vớ vẩn ban đầu. Thì ra sau thời gian dài nổi trôi ngoài biển, khi bước lên đất liền chân cứ chập choạng chòng chành tưởng như đang đi trên cầu nổi bằng phao!

Những năm trước đó thuyền nhân đến Hong Kong được chính phủ tiếp nhận và giúp đỡ rất tốt. Người tỵ nạn ở những trại tỵ nạn tại Kowloon, được đi lại tự do, được ra ngoài làm việc tại hãng xưởng kiếm tiền. Vị trí địa lý của Hong Kong khiến nó là nơi cập bến của những thuyền nhân miền Trung từ Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang, v.v. Ngoài ra Hong Kong cũng cách Hải Phòng, Quảng Ninh độ một ngày đi thuyền buồm, nên cũng có nhiều thuyền nhân miền Bắc vượt biển đến. Thuyền nhân miền Nam khai đã bị bạc đãi bởi chính phủ cộng sản miền Bắc, xin chính phủ Hong Kong cho tỵ nạn. Thuyền nhân miền Bắc cũng tự xưng như vậy, nhưng bị người tỵ nạn miền Nam nhìn bằng con mắt đố kỵ, nghi ngờ tình trạng “tỵ nạn cộng sản” của họ. Đến tháng tư năm 1982, một cuộc chiến hỗn loạn bùng nổ giữa những người tỵ nạn hai miền. Ngày 30 tháng 4 dân miền Nam tưởng nhớ ngày mất nước, còn dân miền Bắc lại ăn mừng ngày chiến thắng giải phóng miền Nam. Một cuộc hỗn chiến long trời lở đất diễn ra. Nhân viên cảnh sát Hong Kong vào dẹp loạn có người bị đả thương, có người thiệt mạng. Một phần trại tỵ nạn Argyle tại Kowloon bị đốt. Chính phủ Hong Kong nổi giận vì rước kẻ vong ân vào nhà, làm ơn mang họa. Bắt đầu mùa hè 1982 họ ngưng tiếp nhận thuyền nhân và cho những thuyền đến sau vào trại cấm như trại tù, nếu không chịu nhận tiếp tế rồi đi tiếp.

Ghe chúng tôi đến Hong Kong vào tháng 8 1982, nên “trúng số” trại cấm. Ghe được đánh số 1797, rồi sau đó lại có nhiều ghe đến sau, con số thuyền cứ tăng dần. Như vậy là có khoảng 2000 ghe tỵ nạn đã đến Hong Kong, chắc khoảng gần 10 nghìn người. Người tỵ nạn ở trong vòng thành của hàng rào kẽm gai, mỗi người mang một con số. Thuyền nhân trại cấm được gọi bằng con số như tù, không gọi bằng tên, không được ra khỏi trại, mỗi ngày hai buổi phải về tụ tập tại “chuồng” để nhân viên quản trại điểm danh, ban đêm không được ra khỏi “chuồng”. “Số tù” của tôi là 2374, hằng ngày các xính xáng, cú lường (tiên sinh, cô nương, danh xưng cho nhân viên quản trại) hay gọi loa nhờ lên giúp thông dịch: “Lắm pả dì xám xát xây, lập chích trình diện xính xáng/cú lường” (Số 2374, lập tức trình diện tiên sinh/cô nương). Qui luật trại tù cũng không cho phép giữ những đồ bị cấm như đồng hồ (chắc sợ canh giờ bỏ trốn?), dao, kéo, kim nhọn (chắc sợ đâm mù mắt nhau?), v.v.

Phong cách làm việc của nhân viên Hong Kong bề ngoài có vẻ quan liêu hống hách, giống như giới “quí tộc Anh quốc” đã đào tạo họ. Tuy nhiên họ làm việc rất kỷ luật, đâu ra đó, chăm sóc người tỵ nạn chu đáo. Chúng tôi được cung cấp thức ăn tươi và bổ dưỡng, vệ sinh phòng trại tốt, phòng bệnh và chữa bệnh hiệu quả. Không hề có ăn chặn ăn bớt hay hà hiếp thuyền nhân. Tôi nhìn những con người cũng Á đông như mình mà sao họ trắng trẻo thanh tú, đi đứng oai nghiêm, nói năng chững chạc, còn dân tỵ nạn mình sao mà đen đủi ốm yếu, kém khí thế quá. Biết bao giờ người mình mới được “bảnh” như thế nhỉ? Mình rời bỏ đất nước đến làm gánh nặng cho họ, nhưng chính phủ Hong Kong đã cứu mang thuyền nhân thì họ đều chấp hành nghiêm chỉnh theo chủ trương nhà nước, không hề tỏ vẻ khinh miệt hay ganh ghét.

Ngày rời thuyền lên xà lan ở cảng Hong Kong chúng tôi đều bỏ lại quần áo giày dép mang theo trong cuộc hành trình gian khổ, nay bục rách hay lấm bết dầu nhớt bẩn thỉu. Trại cấm mới di chuyển tù nhân đi để đón dân tỵ nạn, nên trong kho chưa có đồ dùng dân sự phát cho thuyền nhân đang rách rưới tả tơi. Nhiều người phải đi chân đất hàng tháng trời. Nhiều người chỉ có một bộ quần áo mặc trên người, nên khi tắm rửa phải giặt bộ quần áo duy nhất rồi đứng trần truồng trong phòng tắm tập thể chờ người thân mang quần áo ra phơi ngoài nắng, vài giờ sau còn ăm y ỹ thì mặc vào. Một đêm tôi đang ngủ thì bị lay dậy:

- Chị ơi, kim chỉ nè, chị vá áo quần rồi đưa sang cho chị Yến nhé. Thì ra mấy cậu thanh niên cùng thuyền ban ngày lên văn phòng quản trại giúp dọn dẹp, thó về được cái kẹp giấy. Chúng bẻ thẳng cái kẹp giấy ra, cắt ngắn lại, đục lỗ một đầu, đầu kia mài nhọn, rút chỉ trong quần áo đang mặc, xỏ vào kim để vá áo rách. Cứ thế chúng tôi chuyền nhau kim chỉ, lén lút vá quần áo suốt đêm, vì kim nhọn nằm trong bảng danh mục bị cấm trong trại.

Ăn uống trong trại rất tốt, Buổi sáng được xem là bữa chính, có cơm trắng, mỗi người một con cá nục tươi chiên giòn, cùng ít rau xanh. Buổi trưa là bữa ăn nhẹ, mỗi người lãnh một ca chè đậu đỏ cùng một lát bánh mì phết bơ. Có lẽ dân Hong Kong theo phong tục Anh quốc ăn bữa trưa nhẹ, nhưng nhờ đó mà mình ít buồn ngủ vào buổi trưa. Buổi tối có cơm trắng và miếng thịt độ 100g, thường kho lạt với đậu hủ hay tàu hủ ky (phủ chúc), một quả táo nhỏ tráng miệng, và một ca sữa. Nhiều người Việt không quen uống sữa nên mang ra cống đồ trắng xóa. Tiêu chuẩn ăn uống của trại tù Hong Kong còn cao hơn tiêu chuẩn ăn uống tại nhà vào thời bao cấp.

Đến Hong Kong tôi mới chứng kiến nỗi khổ của những người nghiện thuốc lá và cả gia đình họ. Trong trại không cung cấp thuốc lá, nên các ông nghiện khổ trần thân. Nghe kể chuyện một gói thuốc lá đổi được một cái quần jeans, hay cả một chỉ vàng. Tôi đi làm thông dịch cho trại mỗi tháng lãnh lương tương đương được vài chục đồng HK, độ 5, 6 đô la Mỹ. Trại có danh sách hàng bán cần tin để mình mua bằng tiền lương. Tôi chỉ mua...thuốc lá, vì nó là hiện kim dùng để trao đổi trong trại. Mỗi tối các bà mẹ thu những trái táo của các con, mang đến phòng mình xin đổi thuốc lá cho chồng hút. Một điều thuốc đổi một quả táo, tôi và các bạn có thêm hoa quả tươi dùng hằng ngày.

Không khí trong lành, gió biển thoáng mát, phong cảnh hữu tình, chỉ ăn rồi chơi, thật là thần tiên. Mỗi ngày có hai chuyến phà từ Hong Kong sang đảo. Nhân viên quản trại từ đất liền ra đảo, và dân chúng từ đảo đi vào Hong Kong làm việc, chiều lại về. Thuyền nhân cứ kéo ra ngồi gần cống ngắm nhìn “dân tự do” đi đi về về. Sống trong cảnh nhàn rãi, trăng thanh gió mát, xa cách người thân, nên có nhiều mối tình xảy ra trong trại, đôi khi quá chớp nhoáng vội vàng để rồi gây ra nhiều hậu quả nhiều khê. Có những mối tình nảy nở chỉ vì những mối lợi nhỏ, như kết bạn với anh làm nhà bếp vì thỉnh thoảng chàng thó về cho được nửa cân đường. Có những mối tình xảy ra giữa hai nơi đã có vợ tại quê nhà, hoặc có chồng tại nước ngoài đang làm bảo lãnh đón sang đoàn tụ. Có những đứa bé được sinh ra trong trại, không biết có được bố mẹ hân hoan chờ đón, hay là mang đến một nỗi đắng cay khó xử? Có những cặp vợ chồng vào trại thấy chênh lệch rõ, chồng là người đàn ông người Hoa lớn tuổi, vợ trẻ trung, thanh tú, và có vẻ ngượng ngùng đi bên cạnh ông. Hình như mối lương duyên là thành quả của một cuộc trao đổi sòng phẳng, một cuộc gá nghĩa để đổi lấy cái vé vượt biên. Không biết sau này hôn nhân giữa hai người có bền vững?

Trại Mè theo mô hình trại cấm dần dà ổn định. Quần áo chăn mền được phát khá đầy đủ. Cao Ủy Liên hiệp quốc về Người Tỵ Nạn (UNHCR – United Nations High Commissioner for Refugees) bắt đầu vào trại lập hồ sơ và giúp dân tỵ nạn tìm cơ hội định cư tại quốc gia thứ ba. Hằng ngày tôi giúp ban quản trại thông dịch để lập hồ sơ cho thuyền nhân. Mình nói giọng Sài gòn nên không quen với phát âm của đa số thuyền nhân trong trại là người miền Trung đến từ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Nha Trang. Có bà cho biết tên bà là Nguyễn thị Côi. Mình hỏi gặng lại là Côi hay Côi, bà lắc đầu quầy quậy. Sau cùng thấy mình bí quá bà bảo: “Côi là cái côi uống nước đó!” À, thì ra là Nguyễn thị Ca! Từ đó mình rút kinh nghiệm, nếu ông nào khai tên là Nguyễn văn Lòi thì mình viết là Nguyễn văn Là, bảo đảm trúng bon!

Thần tiên hay không, trại Mè cũng chỉ là đất tạm dung. Tương lai còn mờ mịt, biết về đâu? Gần Tết lòng người chùng lại và bỗng nhớ nhà da diết. Tết đến nhắc nhở thuyền nhân thời gian trôi qua, và đặt ra câu hỏi lớn cho tương lai. Giờ này sang năm thì ở đâu? Bài hát “Xuân này không con không về” được hát giữa tiếng nấc nghẹn ngào. Trưởng trại cho dựng cụ dàn dựng buổi trình diễn văn nghệ, các ca sĩ miệt vườn ráo riết tập luyện múa hát mừng xuân, không khí cũng vui tươi lên được phần nào. Bữa ăn đầu năm được đặc cách thêm

một cái lạp xưởng làm quà Tết. Từ đó nảy sinh ra câu trù ẻo mới. Nếu thấy ghét kẻ nào đó thì chỉ cần lên tiếng “chúc” hẳn được ăn thêm một cái lạp xưởng nữa!

Sang đến hết mùa xuân 1983 thì hồ sơ ty nạn trong trại cấm bắt đầu được cứu xét, bắt đầu có những gia đình ra đi định cư. Đây mới là lúc người cùng thuyền thực sự đón nhận số phận khác nhau. Từ ngày “bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa” ai cũng như ai, cùng chịu sóng gió, cùng tuyệt vọng chờ chết, cùng vui mừng sống sót, ăn cùng mâm, ngủ cùng phòng, sinh hoạt trong trại như nhau. Đến giây phút nhận được giấy đi định cư mới bất chợt nhận thức là người bạn thân thiết của mình sẽ sang sinh sống ở Canada, ở Úc, còn mình đi Mỹ, biết bao giờ mới gặp lại nhau? Thôi thì duyên số cả, lúc hợp lúc tan, chúc bạn mọi điều tốt đẹp, chúc tình bạn mãi bền vững cùng năm tháng!

Nhìn lại đoạn đường dài, thật là suốt đời mang ơn những người xa lạ đã ra tay cứu vớt và giúp đỡ hết lòng.Ơn này không bao giờ trả được, chỉ nguyện sẽ không bao giờ quay mặt đi đối với những người cần giúp đỡ, để trả phần nào món nợ ngày xưa, và để tiếp tục cái vòng ân nghĩa của loài người cho cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn.

Thúy Messegee